

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

(Lần thứ năm)

Hà Nội, tháng 8/2023

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC THI

LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN

(Lần thứ năm)

NỘI DUNG CÔNG VIỆC MỖI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CẦN LÀM ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG KHAI VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Tài liệu này được biên soạn dành cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm, nghĩa vụ công khai và cung cấp thông tin^[1] dựa trên quy định của Luật TCTT 2016, Nghị định 13/2018/NĐ-CP và Thông tư 46/2018/TT-BTC. Dưới đây là 09 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần làm để thực hiện công khai và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân:

1) Ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của mình^[2], gồm các nội dung chính sau đây:

- Xác định đầu mối cung cấp thông tin
- Xác định quy trình chuyển giao thông tin của đơn vị tạo ra cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; việc phân loại thông tin được cung cấp, cung cấp có điều kiện và không được cung cấp
- Cập nhật thông tin được công khai, thông tin được cung cấp theo yêu cầu
- Xác định trình tự, thủ tục xử lý yêu cầu cung cấp thông tin giữa đơn vị đầu mối với đơn vị phụ trách cơ sở dữ liệu thông tin và các đơn vị có liên quan

2) Phân công và công khai đầu mối cung cấp thông tin gồm tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin^[3]

3) Bố trí cán bộ, công chức hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người không biết chữ, người khuyết tật, người gặp khó khăn khác trong việc điền phiếu, ký phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; giúp điền phiếu yêu cầu cung cấp thông tin trong trường hợp người yêu cầu không thể viết phiếu yêu cầu^[4]

4) Lập chuyên mục tiếp cận thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan^{[5],[6]} trong đó, có cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử^[7]

5) Lập, duy trì và cập nhật danh mục thông tin phải được công khai và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện^{[8],[9],[10]}

6) Trang bị phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin bao gồm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho người khuyết tật^{[11],[12],[13],[14],[15]}

7) Thực hiện công khai thông tin^[16] và cung cấp thông tin theo yêu cầu^[17]

8) Giải quyết khiếu nại, khởi kiện, tố cáo trong việc tiếp cận thông tin^[18]

9) Mở sổ theo dõi và xây dựng báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin^[19]

Chú thích

[1] Điều 9 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP, Điều 3 Luật TCTT

[2] Điểm h Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[3] Khoản 1 Điều 33, Điểm m Khoản 1 Điều 17 Luật TCTT, Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[4] Khoản 6 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[5] Khoản 3 Điều 6 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 11 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[6] Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/Homepage.aspx> hoặc <https://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>

[7] Khoản 2 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[8] Điểm b Khoản 1 Điều 34, Khoản 3 Điều 19 Luật TCTT và Điều 6 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[9] Tham khảo: <http://www.bentre.gov.vn/Pages/CanBiet.aspx?ID=2682> và <https://moj.gov.vn/tctt/Pages/Index.aspx>

[10] Tham khảo: <http://vpcp.chinhphu.vn/documents/z6.vgp>

[11] Điều 9 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[12] Khoản 6 Điều 8 và Khoản 4 Điều 3 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[13] Điều 40 Luật Người khuyết tật

[14] Bộ tiêu chuẩn QCVN10:2014/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

[15] Khoản 6 Điều 33 Luật TCTT

[16] Chương II Luật TCTT

[17] Chương III Luật TCTT

[18] Điều 14, Điều 15, Điểm k Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 4 Điều 8 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

[19] Khoản 2 Điều 13 và Điểm l Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT, Khoản 5 Điều 8 và Điều 12 Nghị định 13/2018/NĐ-CP

1. LÝ DO, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Tính đến ngày 01/7/2023, Luật Tiếp cận thông tin (TCTT) có hiệu lực tròn năm năm. Kể từ khi Luật TCTT có hiệu lực, Trung tâm Thúc đẩy giáo dục và Nâng cao năng lực phụ nữ (CEPEW) đã phối hợp cùng một số đối tác^[20] thực hiện năm lần đánh giá hàng năm việc thực thi luật này. Với mỗi lần đánh giá, Nhóm nghiên cứu hướng đến các mục tiêu gồm:

- (1) Chỉ ra những yếu tố thúc đẩy thực thi có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin dưới góc độ luật pháp và thực tiễn;
- (2) Đánh giá việc thực thi Luật TCTT của một số cơ quan nhà nước cấp Trung ương (TW) và địa phương kể từ khi luật có hiệu lực;
- (3) Đề xuất các khuyến nghị nhằm thực thi Luật TCTT có hiệu quả hơn.

Ở lần đánh giá này, Nhóm nghiên cứu tiếp tục áp dụng các phương pháp trước đây, bao gồm:

- (1) Rà soát các VBQPPL cũng như chương trình, đề án của Chính phủ được xây dựng và ban hành liên quan đến thúc đẩy quyền TCTT của công dân trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2023;
- (2) Phỏng vấn sâu đại diện chính quyền hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang - địa phương có thực hành tốt trong việc thực thi Luật TCTT;
- (3) Rà soát cổng/trang thông tin điện tử (TTĐT) của 438 cơ quan nhà nước các cấp;
- (4) Gửi 811 yêu cầu cung cấp thông tin (YCCCTT) tới 447 cơ quan nhà nước cấp Trung ương và địa phương (388 yêu cầu được gửi qua hòm thư điện tử và 423 yêu cầu được gửi qua đường bưu điện).

2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

2.1. Một số yếu tố thúc đẩy thực thi Luật Tiếp cận thông tin

Trong giai đoạn từ tháng 9/2022 đến tháng 7/2023, Chính phủ và Bộ Thông

tin và truyền thông (TTTT) đã dự thảo và ban hành một số VBQPPL liên quan đến bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Theo đó, Bộ TTTT thúc đẩy hoạt động cung cấp thông tin trên môi trường mạng thông qua

[20] Các đối tác gồm Liên minh Đất rừng (FORLAND), Liên minh Khoáng sản (LMKS), Liên minh Nước sạch (LMNS), Mạng lưới các tổ chức xã hội khu vực miền núi phía Bắc (NORTHNET), Viện Nghiên cứu chính sách và Phát triển truyền thông (Viện IPS), Tổ chức CARE quốc tế tại Việt Nam và Tổ chức Oxfam tại Việt Nam.

ban hành Công văn số 4946/BTTTT-CĐSQG ngày 04/10/2022 hướng dẫn thi hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Quyền tiếp cận thông tin của công dân và quy trình cung cấp thông tin cũng được quy định tại Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi^[21] và Dự thảo Luật Lưu trữ sửa đổi.^[22]

Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội và đối tác phát triển tiếp tục thực hiện các mô hình thúc đẩy thực thi Luật TCTT. Chương trình phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) phối hợp cùng CEPEW triển khai “Nghiên cứu thực chứng nhằm thúc đẩy thực thi quyền tiếp cận thông tin đất đai của công dân năm thứ hai” từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023.^[23] UNDP cũng phối hợp cùng Liên minh Minh bạch ngân sách (BTAP), Trung tâm Nghiên cứu kinh tế và chiến lược Việt Nam (VESS) và Trung tâm Phát triển và hội nhập (CDI) thực hiện “Nghiên cứu thực chứng chính sách và thực tiễn về mức độ công khai ngân sách nhà nước và sự tham gia của người dân vào chu trình ngân sách”.^[24] UNDP và các đối tác đã phổ biến kết

quả của những nghiên cứu này tới công chúng và gửi tới các nhà hoạch định chính sách.

2.2. Kết quả rà soát cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước

Trong số 438 cổng/trang TTĐT của cơ quan nhà nước được rà soát ở đánh giá lần thứ năm, 25.1% cổng/trang TTĐT có chuyên mục TCTT,^[25] 17.4% cổng/trang TTĐT có danh mục thông tin phải công khai (TTPCK).^[26] Nhóm nghiên cứu tìm thấy 19.4% cổng/trang TTĐT có đăng tải quy chế cung cấp thông tin cho công dân và 23.7% cổng/trang TTĐT công khai đầu mối cung cấp thông tin (CCTT).^[27]

Hình 1 cho thấy, tỷ lệ các cơ quan đã xây dựng chuyên mục TCTT và danh mục thông tin phải công khai tăng lên so với đánh giá lần thứ tư, tuy nhiên tăng chưa đáng kể. Không có nhiều thay đổi về tỷ lệ quy chế cung cấp thông tin cho công dân^[28] và đầu mối

[21] Điều 25 Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi

[22] Điều 32 Dự thảo Luật Lưu trữ

[23] Báo cáo nghiên cứu được đăng tải tại <https://www.congkhaithongtindatdai.info/>

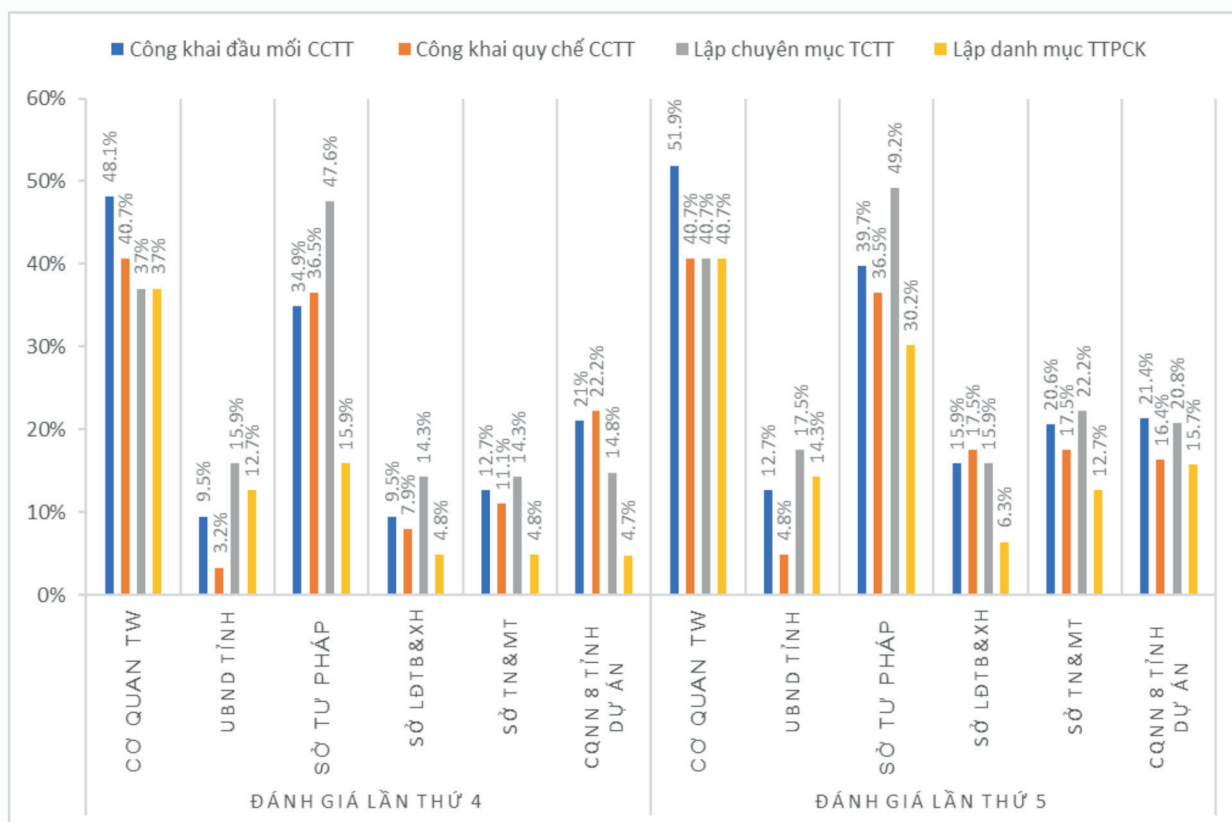
[24] Xem: <https://www.facebook.com/undpvietnam> (xem ngày 29/8/2023)

[25] Việc xây dựng chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước để cung cấp thông tin cho công dân được quy định tại Điều 34 (Điểm b Khoản 1) Luật TCTT và Điều 11 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

[26] Việc xây dựng và công khai danh mục thông tin phải công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT và Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 13/2018/NĐ-CP

[27] Việc xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin và công khai đầu mối cung cấp thông tin của các cơ quan nhà nước và xử lý người cung cấp thông tin thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi cản trở quyền tiếp cận thông tin của công dân được quy định tại Khoản 4 Điều 33 và Luật TCTT, Điểm h Khoản 1 Điều 34 và Khoản 2 Điều 34 Luật TCTT

[28] Việc ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin trong phạm vi trách nhiệm của các cơ quan nhà nước được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 34 Luật TCTT



Hình 1: Kết quả rà soát cổng/trang TTĐT của cơ quan các cấp lần thứ tư và thứ năm

cung cấp thông tin được tìm thấy trên các cổng/trang TTĐT giữa đánh giá lần thứ năm so với lần thứ tư.

Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bến Tre là hai cơ quan nhà nước có thực hành tốt trong xây dựng chuyên mục TCTT với hướng dẫn đầy đủ các bước khai thác thông tin. Đặc biệt, chuyên mục TCTT trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp cho phép người dân gửi YCCCTT trực tuyến. UBND tỉnh Nam Định, Sở Tư pháp tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và môi trường (TN&MT) tỉnh Nam Định và Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

(LĐTB&XH) tỉnh Nam Định xây dựng một cách đồng bộ chuyên mục TCTT trên cổng/trang TTĐT của mình.

Trong khi đó, tỉnh Bắc Ninh đã xây dựng đồng loạt chuyên mục TCTT trên cổng/trang TTĐT của các sở, ban, ngành và UBND các huyện được rà soát. Ngoài ra, các cổng/trang TTĐT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh duy trì chức năng đọc thông tin hiệu quả và cập nhật văn bản đầy đủ dưới cả định dạng PDF và WORD giúp cho người có khuyết tật nhìn có thể tiếp cận thông tin.

2.3. Kết quả gửi yêu cầu cung cấp thông tin tới các cơ quan nhà nước

Kết quả gửi YCCCTT tới 447 cơ quan nhà nước ở lần đánh giá thứ năm cho thấy, 25.1% cơ quan đã cung cấp thông tin theo yêu cầu, 4.9% cơ quan từ chối cung cấp thông tin, 12.3% cơ quan có phản hồi khác và 57.7% cơ quan không phản hồi. Tỷ lệ nhận được phản hồi đối với hình thức gửi YCCCTT qua đường bưu điện (39%, n=165) cao hơn nhiều so với gửi qua email (6.2%, n=24). Điều này phản ánh việc giao tiếp giữa công dân và các cơ quan nhà nước thông qua hình thức thư điện tử còn nhiều hạn chế hơn so với gửi thư bằng đường bưu điện.

Hình 2 cho thấy, tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp TW, UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Sở LĐ-TBXH và Sở TN&MT cung cấp thông tin theo yêu cầu tăng ở đánh giá lần thứ năm. Trong đó, nhóm

UBND cấp tỉnh có tỷ lệ tăng cao nhất (35%) và nhóm có tỷ lệ tăng thấp nhất là các cơ quan cấp TW (1.2%). Tỷ lệ cơ quan không phản hồi giảm đối với nhóm cơ quan cấp TW (2.7%), UBND cấp tỉnh (4.8%), Sở Tư pháp (38%), Sở TN&MT (9.5%) nhưng tăng lần lượt 17.4%, 2.6% đối với Sở LĐ-TBXH và cơ quan thuộc 8 tỉnh thực hiện dự án thúc đẩy thực thi Luật TCTT.

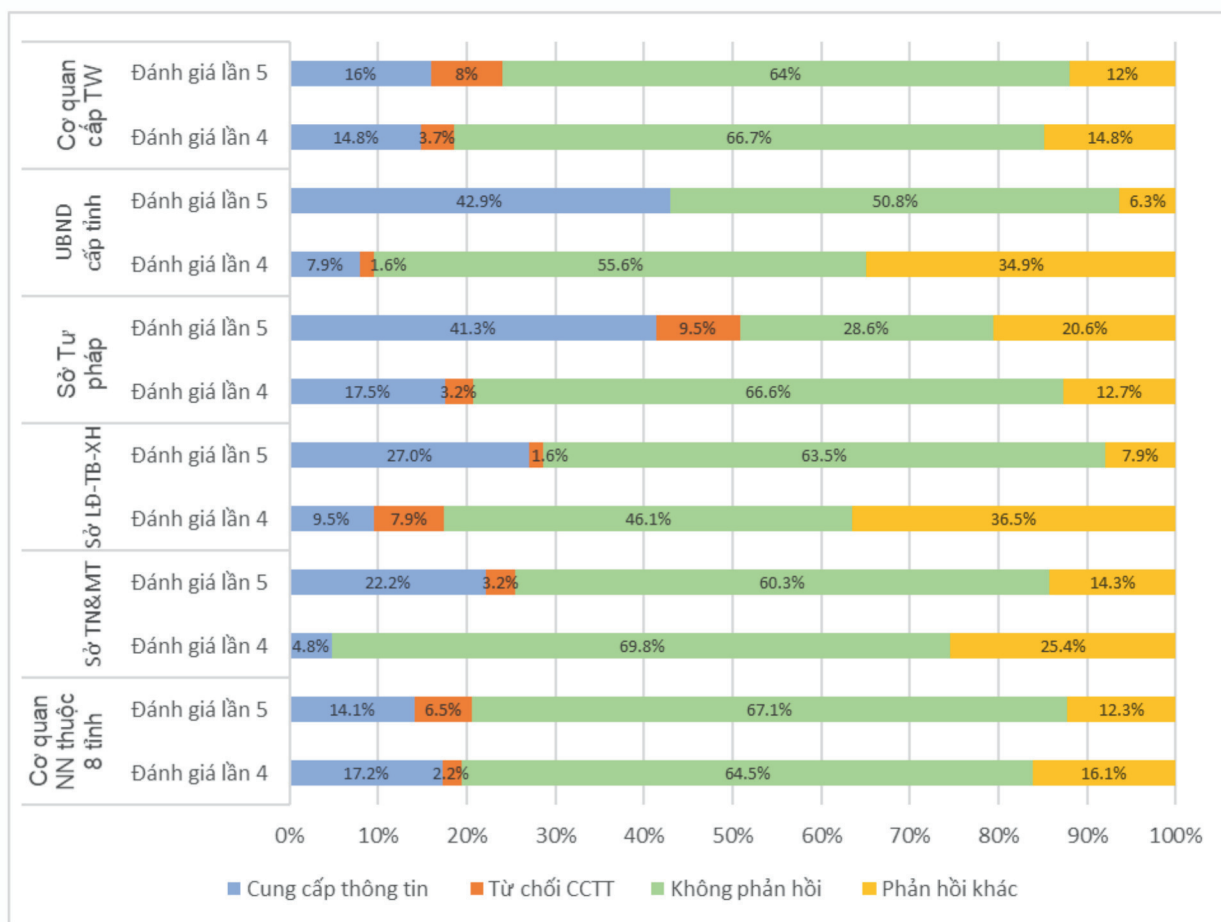
Tương tự những lần đánh giá trước đây, các cơ quan nhà nước viện dẫn một số lý do để từ chối cung cấp thông tin. Bao gồm: 1) Không thuộc phạm vi trách nhiệm cung cấp do không phải cơ quan tạo ra văn bản (căn cứ vào Khoản 1 Điều 9 Luật TCTT); 2) Không có tài liệu công dân yêu cầu;^[29] 3) Thông tin yêu cầu thuộc thông tin không được tiếp cận (căn cứ khoản 2 Điều 6 Luật TCTT);^[30] 4) Không nêu rõ loại tài liệu trong phiếu YCCCTT^[31]; và 5) Từ chối vì mục đích sử dụng thông tin chưa rõ ràng.^[32]

[29] Đối với các yêu cầu cung cấp Quy chế cung cấp thông tin cho công dân

[30] Đối với các yêu cầu cung cấp Báo cáo công tác ngành tài nguyên và môi trường năm 2022

[31] Đối với yêu cầu cung cấp Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2022

[32] Đối với yêu cầu cung cấp báo cáo công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2022 với mục đích phục vụ công tác nghiên cứu cá nhân



Hình 2: Kết quả gửi thư YCCCTT tới cơ quan nhà nước các cấp lần thứ tư và lần thứ năm

Về thủ tục, có rất ít cơ quan nhà nước sử dụng mẫu phiếu quy định tại Nghị định số 13/2018/NĐ-CP để phản hồi các YCCCTT. Nhóm nghiên cứu chỉ nhận được một phiếu tiếp nhận YCCCTT, [33] bảy phiếu giải quyết YCCCTT [34] và hai thông báo từ chối cung cấp thông tin theo mẫu. [35]

Về hình thức phản hồi, đa số đầu mỗi cung cấp thông tin đã gọi điện cho người yêu cầu để làm rõ thêm mục đích yêu cầu cung cấp thông tin, thông tin được yêu cầu cung cấp hay đề nghị bổ sung ảnh chụp căn cước công dân để xác minh [36] hoặc thông báo đã gửi phản hồi và đề nghị công

[33] Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai

[34] UBND tỉnh Bình Phước, Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai, Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đoàn đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh Điện Biên, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Điện Biên

[35] Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc và Ngân hàng nhà nước tỉnh Hà Giang.

[36] Ví dụ: UBND Thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Sóc Trăng, Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh Bến Tre, UBND tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh Hải Dương, UBND tỉnh Lào Cai, UBND tỉnh Quảng Ninh, UBND tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp tỉnh Bình Định, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu, Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ, Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh, Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng, Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tuyên Quang, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An và Ban Dân tộc tỉnh Điện Biên.

dân kiểm tra.^[37] Một số cơ quan đã chủ động gửi tài liệu yêu cầu dưới cả hai định dạng PDF và WORD. Điều này có thể hỗ trợ tốt hơn cho công dân khi tiếp cận thông tin, đặc biệt đối với nhóm người có khuyết tật nhìn hoặc không thể đọc hiểu tiếng Việt.^[38]

2.4. Một số thách thức trong thực thi Luật Tiếp cận thông tin

Kết quả đánh giá lần thứ năm tiếp tục chỉ ra rằng, vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định trong thực thi Luật TCTT. Cụ thể:

1) Tồn tại mâu thuẫn giữa Luật TCTT - được xem là luật chung về quyền TCTT - và một số luật chuyên ngành. Hiện nay, pháp luật chuyên ngành cũng điều chỉnh việc bảo đảm tiếp cận thông tin đối với công dân và người nước ngoài học tập, sinh sống tại Việt Nam. Vì vậy, tồn tại một số mâu thuẫn về quy trình, thủ tục công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu giữa luật chuyên ngành và Luật TCTT. Những mâu thuẫn này gây khó khăn cho người dân khi áp dụng các quy định khác nhau giữa

luật chung và luật chuyên ngành để yêu cầu các cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

2) Nhiều cơ quan nhà nước chưa xây dựng chuyên mục TCTT, danh mục thông tin phải công khai và công khai quy chế nội bộ về cung cấp thông tin cho công dân. Kết quả đánh giá cho thấy, còn có tới 328/438 cơ quan nhà nước được rà soát chưa xây dựng chuyên mục TCTT trên cổng/trang TTĐT của mình (chiếm 74.9%) và có tới 362/438 cơ quan nhà nước chưa xây dựng danh mục thông tin phải công khai (chiếm 82.6%). Bên cạnh đó, Nhóm nghiên cứu cũng chưa tìm thấy 353/438 quy chế cung cấp thông tin cho công dân (chiếm 80.6%) và chưa tìm thấy 334/438 đầu mối cung cấp thông tin (chiếm 76.3%) trên cổng/trang TTĐT của các cơ quan nhà nước được rà soát. Đối với các cơ quan đã xây dựng chuyên mục TCTT, nhiều chuyên mục được thiết kế chưa hiệu quả và thiếu đồng bộ giữa các địa phương hoặc giữa các cơ quan nhà nước trong cùng một địa phương. Điều này thể hiện cách hiểu các quy định của Luật TCTT là khác nhau.

[37] Ví dụ: UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn, Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Đà Nẵng, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ thành phố Đà Nẵng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh.

[38] Ví dụ: UBND tỉnh Lạng Sơn, Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Bình, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Cà Mau, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng, Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng, Sở Tư pháp Quảng Bình, UBND tỉnh Hải Dương và UBND tỉnh Cà Mau.

3) Người dân còn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận thông tin. Nhóm nghiên cứu không tìm thấy địa chỉ cổng/trang TTĐT của một số cơ quan trong quá trình rà soát. Điều này cho thấy, có khả năng một số cơ quan hiện nay vẫn chưa có cổng/trang TTĐT hoặc khó tìm thấy cổng/trang TTĐT của các cơ quan này trên trang tìm kiếm phổ biến Google. Một số cổng/trang TTĐT còn thiếu các chức năng hỗ trợ người sử dụng như chức năng đọc bài viết hay văn bản đối với người cao tuổi, người có khuyết tật nhìn và người không thông thạo tiếng Việt phổ thông. Ngoài ra, người dân sẽ phải cân nhắc sử dụng hình thức gửi YCCCTT bằng đường bưu điện thay vì qua hòm thư điện tử để tránh rủi ro không nhận được phản hồi từ cơ quan nhà nước. Do đó, sẽ phát sinh một số vấn đề như tốn kém thời gian và chi phí khi người dân phải trực tiếp tới cơ quan nhà nước hay gửi thư qua đường bưu điện để yêu cầu cung cấp thông tin.

4) Một số các hạn chế về mặt kỹ thuật đối với nhiều cổng/trang TTĐT. Khi truy cập cổng/trang TTĐT, người sử dụng phải mất nhiều thời gian để nhận được phản hồi từ trang (Ví dụ: người dùng nhận được phản hồi "Không thể truy cập trang web này. [Địa chỉ web] mất quá nhiều thời gian phản hồi) hoặc gặp lỗi không thể truy cập (Ví dụ: Lỗi như "502 Bad Getaway", trang đang bảo trì) hay thanh tìm kiếm của những cổng/trang này hoạt động chưa hiệu quả, khi tìm kiếm từ khóa "Quy chế cung cấp thông tin" có thể không trả về kết quả hoặc trả về kết quả không chứa từ khóa. Bên cạnh đó, vẫn còn hiện tượng công chức sử dụng email cá nhân để phản hồi YCCCTT do hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

3. KHUYẾN NGHỊ

Trên cơ sở những kết quả đạt được và một số thách thức trong quá trình thực thi Luật TCTT, Nhóm nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị sau nhằm thực thi Luật này hiệu quả hơn:


1) Chính phủ chỉ đạo bổ sung thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân vào bộ các thủ tục hành chính mà Chính phủ đang nỗ lực thúc đẩy để các cơ quan nhà nước các cấp thực hiện. Đồng thời, hướng dẫn Văn phòng Chính phủ, các bộ và cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương đưa Luật TCTT vào diện ưu tiên để Hội đồng Phối hợp giáo dục, phổ biến pháp luật các cấp dành nguồn lực triển khai Luật này, đặc biệt tới các cơ quan nhà nước.

2) Bộ Tư pháp tổ chức các cuộc thảo luận với đại diện các cơ quan chức năng để đánh giá hiệu quả thực thi Luật TCTT sau năm năm luật này có hiệu lực nhằm xác định những khó khăn, thách thức của các địa phương và đưa ra giải pháp tháo gỡ. Tăng cường tuyên truyền và tổ chức tập huấn Luật TCTT cho các cơ quan nhà nước và đầu mối cung cấp thông tin. Đặc biệt, cần nhấn mạnh 9 nội dung công việc mỗi cơ quan nhà nước cần

làm cũng như hướng dẫn chuẩn hóa chuyên mục TCTT theo quy định của Luật TCTT và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP. Ngoài ra cần có hướng dẫn cụ thể xác định các thông tin được tiếp cận có điều kiện và thông tin không được tiếp cận để tránh việc lạm dụng các quy định này nhằm hạn chế việc thực hiện cung cấp thông tin cho công dân.

3) Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành hướng dẫn nhằm đảm bảo tính đồng bộ trong thiết kế giao diện các cổng/trang thông tin điện tử và tính thống nhất trong hoạt động cung cấp thông tin trên môi trường mạng phù hợp với các quy định của Luật TCTT 2016, Nghị định 13/2018/NĐ-CP, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP và Thông tư 26/2020/TT-BTTTT.

4) UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW thành lập Tổ công tác do Sở Tư pháp làm thường trực với các thành viên là các chủ thể có trách nhiệm cung cấp thông tin trên địa bàn để kịp thời thảo luận, hướng dẫn, tháo gỡ hoặc đề xuất chủ trương về những vấn đề liên quan đến thực thi Luật TCTT và tiếp tục đôn đốc các chủ thể thực hiện đầy đủ các quy định của luật này.



5) Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp thúc đẩy giám sát việc bảo đảm quyền TCTT của công dân theo quy định tại Điều 13 Luật TCTT và yêu cầu nhà nước, UBND các cấp đưa nội dung liên quan đến tình hình bảo đảm thực thi quyền TCTT của công dân vào báo cáo phát triển kinh tế - xã hội hàng năm trình Quốc hội và HĐND xem xét.

6) Các tổ chức chính trị - xã hội bổ sung nội dung giám sát việc thực hiện Luật TCTT, đặc biệt giám sát việc thực hiện 9 nội dung mỗi cơ quan nhà nước cần làm vào kế hoạch giám sát năm 2024. Bên cạnh đó, tổ chức phổ biến Luật TCTT và Nghị định 42/2022/NĐ-CP cho hội viên và người dân, trong đó nhấn mạnh quyền tiếp cận thông tin của công dân và trách nhiệm, nghĩa vụ của các quan nhà nước trong việc công khai và cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và chính xác.

7) Các tổ chức phi chính phủ và các viện nghiên cứu thực hành YCCCTT theo quy định của Luật TCTT để thúc đẩy cơ quan nhà nước thực hiện thủ tục cung cấp thông tin cũng như công khai thông tin theo tinh thần của Luật TCTT.

